

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company: Công ty Cổ Phần Xây Lắp III - Petrolimex
Năm báo cáo/Year 2018

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: CÔNG TY CP XÂY LẮP III PETROLIMEX
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No: 0302536580
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 50.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 50.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ/Address: 232 Nguyễn Tất Thành P13, quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/Telephone: 028 39404602
- Số fax/Fax: 028 39404606
- Website: www.petrolimex.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): PEN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- Thành lập:

Năm 1977 Bộ Vật Tư thành lập Công Ty Xây Lắp III là một doanh nghiệp Nhà nước với chức năng nhiệm vụ duy tu sửa chữa các công trình xăng dầu tiếp quản của chế độ cũ và xây mới các công trình kho xăng dầu, cầu cảng thuộc ngành xăng dầu cho các tỉnh từ Quảng Bình cho đến Cà Mau.

Ngày 01/01/2002 Công Ty Xây Lắp III chính thức chuyển sang Công Ty Cổ Phần theo Quyết định số 0721/QĐ-BTM ngày 08/06/1999 và Quyết định số 1239/2001/QĐ-BTM ngày

14/11/2001 của Bộ Thương Mại với tên gọi mới là Công Ty Cổ Phần Xây lắp III Petrolimex. Vốn điều lệ là 4,2 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 30%. Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4103000817 ngày 31/01/2002, số đăng ký kinh doanh mới 0302536580 cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 13/10/2014. Tổng vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng.

- Niêm yết:

Công ty đã niêm yết cổ phiếu công ty CP Xây Lắp III Petrolimex trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PEN từ ngày 30/06/2014 và chính thức giao dịch từ ngày 25/9/2014.

- Các sự kiện khác/*Other events* Tổ chức Bureau Veritas certification cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 về bồn bể và hệ thống đường ống xăng dầu vào ngày 01/10/2007. Được tái chứng nhận lần 1 hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào ngày 29/09/2010. Được tái chứng nhận lần 2 vào ngày 20/09/2013 và có hiệu lực đến 19/09/2016.

Được chứng nhận lần 1 hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 Được chứng nhận lần 1 vào ngày 16/09/2016 và có hiệu lực đến 14/09/2017. Được tái chứng nhận lần 2 vào ngày 15/09/2017 và có hiệu lực đến 19/09/2019 Điều này thể hiện sự vững mạnh và tinh chuyên nghiệp ngày càng cao của Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu; xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu; lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy; sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng; vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng; xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng; kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;

Trong năm 2018 doanh thu chính của Công ty từ hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị xăng dầu và dịch vụ, cho thuê nhà xưởng và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

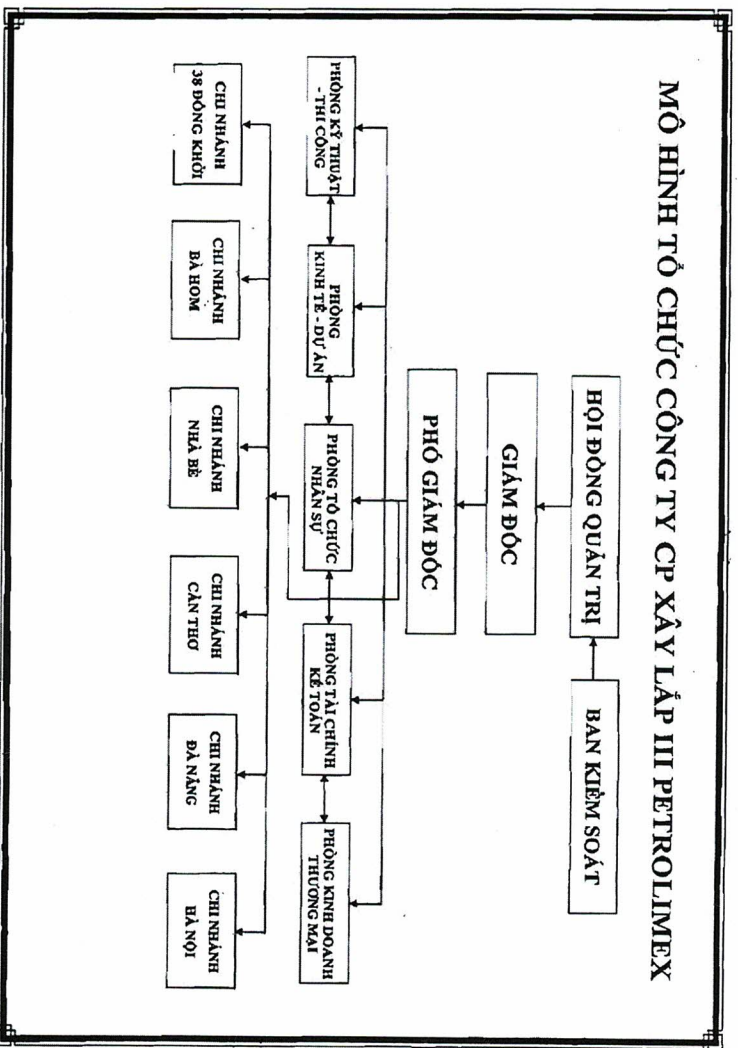
Về mặt địa lý, Công ty CP Xây Lắp III Petrolimex chủ yếu kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam như Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau. Đặc biệt năm 2018 Công ty đã mở rộng địa bàn kinh doanh sang các nước như Asian như Cambodia, Myanmar.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.

Từ năm 2002 Công ty chuyển sang mô hình hoạt động Công ty Cổ phần. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. Đúng thứ hai là Hội đồng quản trị, đây là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, hai Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Đồng thời Công ty có một Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nhằm thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.



- Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ Specify the names, addresses, major fields of production

and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies).

Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long

Địa chỉ: 232 Nguyễn Tất Thành phường 13 quận 4 TPHCM.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Điện sản xuất và bán buôn đồ điện.

Vốn điều lệ 900.000.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của công ty là 44% (400 triệu).

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

+ Định hướng phát triển của công ty là xây dựng công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu.

+ Hoàn thiện mô hình tổ chức và đào tạo đội ngũ nhân lực theo tiêu chuẩn ASME đủ khả năng nhận thầu các công trình thuộc dạng PC hoặc EPC, các công trình có vốn đầu tư nước ngoài.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

+ Tái cấu trúc lại nhà máy cơ khí tại Nhà Bè để phục vụ công tác chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí theo quy trình khép kín đảm bảo tiến độ thi công không phụ thuộc vào địa bàn công trình, thời tiết. Đồng thời xây dựng chiến lược gia công hàng cơ khí xuất khẩu.

+ Phát huy kết quả đạt được trong năm 2018, Công ty đã ký kết và thi công một số công trình có trị giá lớn tại Cambodia và Myanmar. Thúc đẩy hợp tác với các đơn vị trong ngành cũng như nước ngoài cùng tham gia đấu thầu các công trình quốc tế, nhằm xây dựng thương hiệu trên thị trường và tăng thêm doanh thu cho Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ.

+ Công đoàn cơ sở công ty CP Xây Lắp III Petrolimex trực thuộc Công đoàn CTCP-Tổng công ty Xây Lắp và Thương Mại Petrolimex, hướng ứng đóng góp, tích cực tham gia các hoạt động xã hội do Công Đoàn Tổng Công ty phát động.

5. Các rủi ro/Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:*

Với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV đã đưa ra nhiều giải pháp để thực hiện mục tiêu đề ra và đạt kết quả như sau:

Bảng kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2018

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2018 (tỷ đồng)	Thực hiện 2018 (tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành năm
1	Sản lượng	300	343,728	115%
2	Doanh thu	260	361,431	139%
3	Lợi nhuận trước thuế	7,810	4.196	53,73%
4	Đầu tư	43,122	13,787	33%

Nguyên nhân: Lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng lên so với năm 2017 chủ yếu do lợi nhuận công trình Myanmar và thanh lý tài sản cố định tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

ST T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỖ Ở HIỆN NAY	CHỨC VỤ	Tỷ lệ số hữu cổ phần của công ty
1	Nguyễn Sum	1972	30/31/24/16 Lâm Văn Bền P. Tân Kiên Q.7 TPHCM	Giám đốc	0.37%
2	Nguyễn Ngọc Thanh	1969	30 Sầm Sơn Quận Tân Bình TPHCM	Phó Giám đốc	0%
3	Dương Minh Trí	1982	79/10 Huỳnh Tấn Phát P. Tân Thuận Đông Quận 7 TPHCM	Phó Giám đốc.	0.03%
4	Hoàng Trần Như Quỳnh	1984	136/64Trần Quang Diệu, P6, Q3, TP.HCM	Kế toán trưởng. Bỏ nhiệm ngày 01/08/2017	0.55%

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:* Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên./ *Number of staffs.*

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2018 là 306 người.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, bảo

hiếm tai nạn 24/24, ăn ca, xăng xe, lương, thưởng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Giá trị đầu tư thực hiện là 13,787 tỷ đồng đạt 33% kế hoạch. Công tác đầu tư chủ yếu trong năm 2018 tập trung vào trang bị đầu tư máy móc, thiết bị để thi công các công trình tại nước ngoài.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long kinh doanh không hiệu quả, mất khả năng thanh toán và đã ngừng hoạt động.

Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại Công ty TNHH Xây Lắp Điện Máy Thăng Long với số tiền là 400.000.000 đồng.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	332.461.000.079	342.888.411.237	3,14%
Doanh thu thuần	259.604.251.442	361.431.782.607	39,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.920.856.523	3.154.870.290	
Lợi nhuận khác	6.224.310.619	1.041.834.439	-83,74%
Lợi nhuận trước thuế	303.454.096	4.196.704.729	
Lợi nhuận sau thuế	115.960.811	3.346.408.404	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			

<p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>	1.25	1.15	
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0.76	0.76	
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	6.98	9.06	
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating</i></p>	0.04%	0.93%	
	0.15%	4.07%	
	0.03%	0.98%	
		0.87%	

<i>Profit/ Net revenue Ratio</i>)			
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) *Cổ phần/Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrited the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Tổng số 5.000.000 cổ phần của Công ty CP Xây Lắp III Petrolimex đang lưu hành đều là cổ phiếu phổ thông, và thuộc loại cổ phần chuyển nhượng tự do không có số lượng chuyển nhượng hạn chế theo quy định của pháp luật .

b) *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

Cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông tổ chức	1.954.090	39
Cổ đông cá nhân	3.045.910	61
Tổng Cộng	5.000.000	100%
Cổ đông trong nước	5.000.000	100%

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection*:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi



trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lương lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Số lao động tính đến cuối năm 2018 là 306 người với mức lương trung bình là 7,2 triệu đồng/ người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Hàng năm cán bộ công nhân viên được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả** hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating*

results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% so với KH	% so với 2017
- Sản lượng	Tr đồng	300.000	343.728	115%	144%
Trong đó : Xây lắp					
- Doanh thu thuần	Tr đồng	260.000	361.432	139%	139%
- Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	7.810	4.197	53%	13.82
- Lợi nhuận sau thuế	%	7.256	3.346	46%	29
- Chi trả cổ tức dự kiến	%	10			

- Giá trị tổng sản lượng 343,728 Trđ đạt 115% KH, đạt 112 % so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng doanh thu 361.432 Trđ đạt 139% KH đạt 139 % so với cùng kỳ năm ngoái.
- Lợi nhuận trước thuế: 4.197 Trđ đạt 53% KH và tăng 13 lần so với cùng kỳ năm trước.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (bao gồm cả kế hoạch nhận cổ tức từ PG bank) chỉ đạt 53% kế hoạch nguyên nhân do ngân hàng PG bank không trả cổ tức.
 - Hoạt động thương mại và dịch vụ mang lại lợi nhuận cho Công ty là 1,1 tỷ đồng.
 - Hoạt động tài chính: doanh thu tài chính chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng mang lại (440 triệu), chênh lệch tỷ giá và cổ tức lợi nhuận được chia(197 triệu). Tuy nhiên chi phí tài chính rất cao đặc biệt là chi phí lãi vay (7,9 tỷ đồng) dẫn đến hoạt động tài chính lỗ.
 - Thu nhập khác lãi 1.041 Trđ chủ yếu từ nguồn thanh lý nhượng bán tài sản cố định và hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

DVT: Đồng

Chi tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
I- Tài sản ngắn hạn	295.647.404.523	300.135.405.028

1- Tiền và các khoản tương đương	33.695.888.001	24.333.059.466
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	59.130.181.200	59.034.258.700
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	166.908.778.594	171.491.060.569
4- Hàng tồn kho	35.346.290.289	36.277.078.821
5- Các tài sản ngắn hạn khác	566.266.439	8.999.947.472
II- Tài sản dài hạn	36.813.595.556	42.753.006.209
1- Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000
2- Tài sản cố định	33.477.215.203	33.523.040.602
3- Bất động sản đầu tư	76.487.502	59.677.062
4- Tài sản dở dang dài hạn	1.604.980.326	6.480.414.076
5- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	650.000.000	
6- Tài sản dài hạn khác	1.953.433.601	2.679.874.469
Tổng tài sản	322.008.596.677	342.888.411.237

Tổng tài sản và nguồn vốn 342.888 Trđ tăng 6,4% so cùng kỳ tương ứng 20.880 Trđ, cụ thể: Tài sản ngắn hạn 300.135 Trđ chiếm 87,5%, Tài sản dài hạn 42.753 Trđ chiếm 12,5%.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
I – Nợ phải trả	253.622.089.250	260.714.688.085
1 – Nợ ngắn hạn	234.755.948.612	246.515.978.698
2 – Nợ dài hạn	18.866.140.638	14.198.709.393
II – Vốn chủ sở hữu	78.838.910.829	82.173.723.152
1 – Vốn chủ sở hữu	78.838.910.829	82.173.723.152
2 – Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	
Tổng nguồn vốn	332.461.000.079	342.888.411.237

Nợ phải trả 260.714 Trđ. Trong đó:

+ Các khoản vay 111.079 Trđ trong đó: vay ngắn hạn 96.881 Trđ, vay dài hạn 14.198

Trđ. Gồm có :

Nợ vay của ngân hàng 103.155 Trđ tăng 4.763 Trđ so cùng kỳ.

Nợ vay của cá nhân 7.924 Trđ giảm 6.625 trđ so cùng kỳ.

Nợ phải trả 260.714 Trđ chiếm 76%, Vốn chủ sở hữu 82.173Trđ chiếm 24%, khả năng tự tài trợ vốn 24 %, hệ số thanh toán ngắn hạn 1,15 lần, hệ số thanh toán nhanh 1,07 lần. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu 4,07% tăng hơn so với năm 2017.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty. Song song với việc quản lý theo quy chế, Công ty thường xuyên chú trọng nâng cao hệ thống nghiệp vụ từ các phòng ban đến các đơn vị trực thuộc, hướng dẫn và giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc trích lập dự phòng và xử lý tồn thất theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính: Công ty đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp .

- Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tới toàn thể CBCNV nắm vững và chấp hành nghiêm các văn bản, chỉ thị của Nhà nước, Chính phủ, Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam, Tổng công ty Xây Lắp Petrolimex.

- Đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty vào ngày 15/04/2018. Các nội dung thông qua Đại hội được các cổ đông biểu quyết với tỷ lệ cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

4.1 Kế hoạch tài chính chủ yếu:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	50
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	300
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10

4.2 Kế hoạch đầu tư:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch
----	--------------	--------	----------

		tính	năm 2018
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	37.800
+	Đầu tư và mua sắm Máy móc thiết bị dụng cụ	Tỷ đồng	4.095
+	Cơ sở vật chất	Tỷ đồng	11.175
+	Đào tạo nguồn nhân lực	Tỷ đồng	530
+	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	22.000
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	37.800
+	Vốn Vay/ khác	Tỷ đồng	37.800

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers
c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Năm 2018 Công ty đã có sự đổi mới trong việc hoạch định chiến lược phát triển thị trường một cách rõ ràng giữa thị trường nội địa và thị trường thị công tại các nước Đông Nam Á.

- Thị trường nội địa: các công việc Công ty có được đều thông qua đầu thầu hoặc chào giá với mức giảm giá sâu. Nguồn công việc còn lại chuyển sang từ năm 2017 đảm bảo trong những tháng đầu năm, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc đảm bảo giá trị sản lượng xây lắp.

- Thị trường tại khu vực Đông Nam Á: Do nguồn việc tại thị trường trong nước đã bão hòa hoặc khó cạnh tranh với các công ty tư nhân nên Ban giám đốc Công ty đã chủ động tìm hướng phát triển tại thị trường nước ngoài như Lào, Cambodia, Myanmar. Đến cuối quý 2/2018 công ty đã chính thức ký được hợp đồng thi công tại thị trường hoàn toàn mới là Myanmar. Đây là thị trường rất tiềm năng nhưng cũng không ít khó khăn khi tham gia thị

trường này.

- Tổng giá trị sản lượng xây lắp cả năm đạt 345 tỷ đồng trong đó thị trường nước ngoài khoảng 140 tỷ chiếm 40% tổng giá trị sản lượng toàn Công ty.

- Hoạt động xây lắp và đầu tư kinh doanh vẫn phải dùng hoàn toàn nguồn vốn vay từ ngân hàng và một số nguồn vay khác, làm ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ và hiệu quả của các công trình.

Công ty đã mạnh dạn trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý, nhưng chưa quyết liệt trong việc thay đổi trong mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, khoa học. Chưa xây dựng được các chính sách tạo động lực và tinh thần trách nhiệm của nhân viên trong công việc. Vì vậy chưa phát huy nội lực của mỗi cá nhân cũng như tập thể, năng suất lao động chưa cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance.

Trong năm vừa qua HĐQT cùng với Ban Giám Đốc đã tiến hành 04 buổi họp chung nhằm đánh giá nhận xét, phân tích, dự báo tình hình SXKD của công ty trong năm 2018. Dựa ra các giải pháp đề đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn. Ban Giám đốc luôn thể hiện vai trò tham mưu của mình, đã triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh chưa đạt như kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Với những kết quả kinh doanh khởi sắc trong năm 2018, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc tiếp tục thực hiện các công việc:

- Phối hợp cùng Giám đốc công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh được tốt hơn.
- Chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với mục tiêu trở thành đơn vị xây lắp đáp ứng yêu cầu thi công các công trình Quốc tế trong khu vực. Cùng Ban Giám đốc Công ty nghiên cứu bổ sung đề ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển lâu dài của Công ty phù hợp với sự thay đổi của thị trường.
 - Tiếp tục bảo toàn, khai thác và phát triển nguồn vốn của công ty một cách hiệu quả và an toàn nhất, không để xảy ra nợ xấu, khó đòi. Tập trung thu hồi công nợ, thu hồi các khoản tài chính đã đầu tư vào các đơn vị bên ngoài, thanh lý thu hồi vốn những tài sản không mang lại hiệu quả, thoái vốn đầu tư tại ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex, chuẩn bị sẵn sàng nguồn vốn cho việc đầu tư vào một số dự án kho cảng xăng dầu, hệ. Đảm bảo nguồn tài chính lành mạnh và đủ để phục vụ cho việc SXKD và đầu tư vào các dự án.
 - Đẩy mạnh hoạt động tại Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè, tích cực tăng cường công tác tìm kiếm nguồn việc mới, hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng các hợp đồng đã ký với đối tác.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.



V. Quản trị công ty/*Corporate governance* (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members: number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

STT	Họ và tên	Chức danh	Điều hành/ Độc lập /Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	3,81%
2	Nguyễn Sum	Thành viên kiêm Giám đốc	Điều hành	0,37%
3	Nguyễn Huy Nhân	Thành viên	Không điều hành	0,13%
4	Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên	Độc lập	4,29%
5	Vũ Lộc	Thành viên	Độc lập	4,79%

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiêu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

- Hội đồng quản trị đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp và xin ý kiến của các thành viên theo đúng quy định đề nắm rõ tình hình SXKD từ công ty đến các chi nhánh, ban hành 05 nghị quyết và 3 quyết định để đưa ra các chính sách và có biện pháp chi đạo kịp thời. Các cuộc họp của HĐQT được thực hiện theo đúng quy chế quản trị công ty. Tại các cuộc họp đã thông qua các vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, vay vốn tại Ngân Hàng Dầu Trời Phát Triển Việt Nam chi nhánh Sài Gòn với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, vay vốn tại ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex chi nhánh Sài Gòn với hạn mức 170,5 tỷ, các quyết định về tổ chức cán bộ, sắp xếp bố trí nhân sự, quyết định đầu tư vào Công ty CP TBS- Sông Châu làm kho cảng xăng dầu.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiêu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

Hội đồng quản trị Công ty CP Xây Lấp III Petrolimex có 02 thành viên độc lập là Ông Nguyễn Hồng Kỳ, Ông Vũ Lộc. Trong năm 2018, các thành viên HĐQT độc lập đã năm bất kíp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, kíp thời cùng với HĐQT chỉ đạo Ban điều hành đưa ra những chiến lược phát triển phù hợp với đặc điểm tình hình biến động của thị trường, nắm chắc các cơ hội kinh doanh để tạo doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban	0,1%	
2	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	4,98%	
3	Đinh Minh Thắng	Thành viên	1,85%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Giám sát công tác tổ chức/kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Tham dự và cử đại diện tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp sơ kết, tổng kết của công ty để giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT. Đưa ra kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tiếp nhận, giải thích các ý kiến thắc mắc, đóng góp của cổ đông thuộc phạm vi của Ban kiểm soát và phản hồi đến HĐQT xem xét giải quyết các vấn đề có liên quan.

- Tham gia trực tiếp vào các đợt kiểm tra của Công ty tại các Chi nhánh để giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc, các Chi nhánh, và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng, năm tại văn phòng Cty, tập trung rà soát công nợ, quản trị hiệu quả kinh doanh theo từng loại hình kinh doanh, trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Định kỳ gửi báo cáo kiểm soát đến HĐQT, Ban điều hành và có những nhận xét kiến nghị kịp thời.
- Kiểm soát việc tuân thủ công bố thông tin của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Định kỳ 6 tháng/năm lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định, Chi thị của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

ĐVT: đồng

ST T	CHỨC DANH	THÙ LAO HDQT	TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, THƯỞNG	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ
	Hội Đồng Quản Trị	91,872,000	769,451,391	861,323,391
1	Chủ tịch		482,156,699	482,156,699
2	Thành viên chuyên trách		287,294,692	287,294,692
2	Thành viên độc lập		45,936,000	45,936,000
3	Thành viên độc lập		45,936,000	45,936,000



	Ban Kiểm Soát	49,435,200	364,461,330	413,896,530
1	Trưởng ban kiểm soát		207,209,200	207,209,200
2	Thành viên chuyên trách	17,280,000	157,252,129	174,532,129
3	Thành viên độc lập	32,155,200		32,155,200
	Ban điều hành	52,176,000	1,258,420,513	1,310,596,513
1	Giám đốc- TVHĐQT	52,176,000	414,825,859	467,001,859
2	Phó giám đốc		301,265,332	301,265,332
3	Phó giám đốc		316,179,772	316,179,772
4	Kế toán trưởng		226,149,550	226,149,550
	Tổng Cộng	193,483,200	2,392,333,234	2,585,816,434

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.

- Giao dịch giữa Công ty và Công ty CP khí thiên nhiên hóa lỏng Petmor LNG:

- Hợp đồng nguyên tắc cung cấp sơn Jotun cho chi nhánh Xây Lắp III Nhà Bè.
- Hợp đồng mua bán thép tấm số 01.02/petnor-CNNB ngày 01/02/2018 giá trị hợp đồng là 187.728.354 đồng.
- Hợp đồng mua bán bom số 50/XI3-HD ngày 16/04/2018 giá trị hợp đồng là 621.500.000 đồng.
- Hợp đồng mua bán thép tấm số 52/XI3-HD ngày 25/05/2018 giá trị hợp đồng là 283.678.402 đồng.
- Hợp đồng mua bán thép tấm số 57/XI3-HD ngày 21/06/2018 giá trị hợp đồng là 462.320.007 đồng.
- Hợp đồng mua bán thép tấm số 58/XI3-HD ngày 27/06/2018 giá trị hợp đồng là 1.593.842.946 đồng.
- Hợp đồng mua bán thép tấm số 74A/XI3-HD ngày 20/09/2018 giá trị hợp đồng là 627.500.753 đồng.

8. Hợp đồng mua bán thép tấm số 84/XI3-HD ngày 20/11/2018 giá trị hợp đồng là 483.555.916 đồng.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).

Công ty đã ban hành quy chế quản trị Công ty và tuân thủ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Theo ý kiến của Công ty TNHH Dịch Vụ tư vấn tài chính Kế Toán và Kiểm Toán Nam Việt, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập trong Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được đính kèm trong báo cáo này.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

